

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ SMG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ SMG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110628598

3. Ngày thành lập: 22/02/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 3, Ngõ 57, Xóm Tràng, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0376587777

Fax:

Email: Vuxuansongc@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
7.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn, cung cấp nhiên liệu (xăng, dầu, nhớt) phục vụ vận tải	4661
8.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán buôn sắt, thép;	4662

9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế - Bán buôn sơn và véc ni - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn	4663
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Không gồm các hoạt động; Dịch vụ báo cáo Tòa án; Hoạt động đấu giá độc lập; Dịch vụ lấy lại tài sản) Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
11.	Giáo dục mẫu giáo	8512
12.	Đào tạo trung cấp	8532
13.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
14.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
15.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
16.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
17.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
18.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
19.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
20.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
21.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
22.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà Nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
23.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết:- Hoạt động trang trí nội thất	7410
24.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
25.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
26.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
27.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
28.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
29.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
30.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702

31.	In ấn	1811
32.	Dịch vụ liên quan đến in Chi tiết: Thiết kế quảng cáo	1812
33.	Sao chép bản ghi các loại (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật)	1820
34.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
35.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa Chi tiết: Sản xuất vật liệu chịu lửa, gạch samôt, gạch xây dựng	2391
36.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
37.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
38.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
39.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
40.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
41.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
42.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
43.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
44.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
45.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	4933
46.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
47.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
48.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
49.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
50.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
51.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
52.	Đại lý du lịch	7911
53.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
54.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

55.	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu.	3811
56.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác thải sinh hoạt	3821
57.	Tái chế phế liệu Chi tiết: – Tái chế phế liệu kim loại – Tái chế phế liệu phi kim loại	3830
58.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
59.	Xây dựng nhà không để ở	4102
60.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
61.	Xây dựng công trình điện	4221
62.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
63.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
64.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
65.	Xây dựng công trình thủy	4291
66.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
67.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
68.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.	4299
69.	Phá dỡ (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4311
70.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
71.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
72.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
73.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 8.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	VŨ XUÂN SƠN	Việt Nam	Số nhà 3, Ngõ 57, Xóm Tràng, Xã Thanh Liệt, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.800.000.000	60,000	025086004766	
2	NGUYỄN THỊ MINH	Việt Nam	Số nhà 3, Ngõ 57, Xóm Tràng, Xã Thanh Liệt, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.200.000.000	40,000	001187039416	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ XUÂN SƠN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 20/10/1986

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025086004766

Ngày cấp: 27/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 3, Ngõ 57, Xóm Tràng, Xã Thanh Liệt, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 3, Ngõ 57, Xóm Tràng, Xã Thanh Liệt, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội